TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/6/2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Trân Anh Tuấn
2. Ông Vũ Ngọc Tài

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Võ Thanh Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Ngọc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:09/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị S - Sinh năm 1993
Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Lữ Văn K - Sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa
Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2023* và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện kết hôn; có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/10/2013. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: Tính tình không hợp; quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xuyên khúc mắc, to tiếng với nhau. Mặt khác, do điều kiện kinh tế, chị S phải đi lao động xa nhà nên vợ chồng không có điều kiện chăm sóc nhau và giải quyết mâu thuẫn. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải như không có kết quả. Không chịu được đời sống chung với anh K nên chị đã về nhà mẹ đẻ để sống từ tháng 12/2020 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn.

Về con chung, trong đơn khởi kiện, chị S trình bày: Chị và anh K có 02 con chung là: Lữ Thị Thùy D, sinh ngày: 23/01/2014 và Lữ Thị Thùy L, sinh ngày: 25/6/2018. Chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 14/02/2023, chị S đề nghị Tòa án giao hai cháu Lữ Thị Thùy D và Lữ Thị Thùy L cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Lê Thị S còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn; Bản sao giấy khai sinh cháu L và cháu D; Căn cước công dân của chị (bản sao chứng thực); giấy xác nhận đơn cư trú của đương sự; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

* *Tại bản tự khai* ngày 20/02/2023, anh K trình bày không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, đến ngày 09/5/2023, anh K đồng ý ly hôn; đề nghị được nuôi cả hai con chung, yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng; đồng thời anh đã nộp cho Tòa án Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

* *Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 14/02/2023,* cháu Lữ Thị Thùy D thể hiện có nguyện vọng ở với anh Lữ Văn K.

* *Tại biên bản xác minh ngày 05/4/2023*, Ông Lữ Xuân Hoa và bà Lương Thị Dưa bố mẹ đẻ của anh Lữ Văn K cho biết: Về cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân giống như chị S đã trình bày trên đây. Về con chung, chị S và anh K có 02 con chung là: Lữ Thị Thùy D, sinh ngày: 23/01/2014 và Lữ Thị Thùy L, sinh ngày: 25/6/2018. Hiện nay cháu D và cháu L đang ở với anh K tại nhà ông bà nội và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Về tài sản và công nợ, ông Hoa và bà Dưa không biết gì về tình trạng tài sản và công nợ của anh K, chị S nên không cung cấp

thông tin gì.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị S về việc ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung. Theo đó, xử cho chị S được ly hôn anh K; Giao cho anh K nuôi con hai con chung của vợ chồng; buộc chị S cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K. Về án phí, đề nghị tuyên các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị S và anh Khuyên đều có bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vắng mặt chị S và anh K.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Lữ Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/10/2013 tại UBND xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa chị S và anh K là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn; gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn. Việc chị S, anh K sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay chứng tỏ đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S và anh K đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên xử cho chị S được ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị S và anh K về trách nhiệm nuôi con thấy rằng: Anh K đang trực tiếp nuôi cả hai cháu Lữ Thị Thùy D và Lữ Thị Thùy L. Nguyện vọng của chị S và anh K cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu

D. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị S và anh K, giao hai cháu Lữ Thị Thùy D và Lữ Thị Thùy L cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị S và anh K về việc chị S cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị S, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Lê Thị S là nguyên đơn, phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị S và anh Lữ Văn K ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Lữ Văn K trực tiếp nuôi hai con chung của chị S và anh K là Lữ Thị Thùy D, sinh ngày 23/01/2014 và Lữ Thị Thùy L, sinh ngày 25/6/2018; chị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi. Chị S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (tổng cộng 600.000 đồng). Số tiền án phí chị S phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0003981 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh. Chị S còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đình Huy

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- UBND xã T;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.